

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**NĂM 2018**

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH HÒA BÌNH**

*(Giấy chứng nhận ĐKKD số 5400108279 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hòa Bình cấp lần đầu ngày 16/09/2009; Đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 08/08/2017)*

Địa chỉ : Tổ 2 Phường Tân Thịnh, TP. Hòa Bình, Tỉnh Hòa Bình

Điện thoại : 0218.3885.912; Fax: +84-2183885910

Website: [capthoatnuochoabinh.vn](http://capthoatnuochoabinh.vn)



Số: 126/CPNS

Hòa Bình, ngày 17 tháng 06 năm 2019

## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018

(Theo hướng dẫn tại Thông tư 155/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính)

### I. THÔNG TIN CHUNG

#### 1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch :	Công ty Cổ phần Nước sạch Hòa Bình
- Tên Tiếng Anh:	Hoa Binh Clear Water Joint Stock Company
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số :	5400108279
- Vốn điều lệ:	66.792.897.475 đồng (Sáu mươi sáu tỷ, bảy trăm chín mươi hai triệu, tám trăm chín mươi bảy nghìn, bốn trăm bảy mươi lăm đồng)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu:	66.792.897.475 đồng (Sáu mươi sáu tỷ, bảy trăm chín mươi hai triệu, tám trăm chín mươi bảy nghìn, bốn trăm bảy mươi lăm đồng)
- Địa chỉ:	Tổ 2, Phường Tân Thịnh, TP. Hòa Bình, Tỉnh Hòa Bình
- Số điện thoại:	0218.3885.912
- Số fax:	+84-2183885910
- Website:	capthoatnuochoabinh.vn
- Mã cổ phiếu:	HBW
- Người đại diện theo pháp luật:	Bà Nguyễn Thị Hoa – Chủ tịch Hội đồng quản trị

### Quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Nước sạch Hòa Bình là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Công ty TNHH một thành viên kinh doanh nước sạch Hoà Bình (theo Quyết định số 2222/QĐ-UBND của UBND tỉnh Hòa Bình). Công ty tổ chức thành công cuộc đấu giá bán cổ phần lần đầu ra công chúng vào ngày 01/06/2009 tại Tại Trung tâm GDCK Hà Nội (nay là Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội).

### Những dấu mốc kể từ ngày Công ty được thành lập

- Năm 1960: Nhà máy nước Hòa Bình được thành lập.
- Năm 1994: Nhà máy nước Hòa Bình đổi tên thành Công ty Cấp thoát nước Hòa Bình.
- Năm 2006: Công ty được chuyển đổi thành Công ty TNHH một thành viên kinh doanh nước sạch Hoà Bình.
- Năm 2009: Công ty được chuyển đổi thành Công ty cổ phần Nước sạch Hòa Bình.

Công ty đã hoàn thành quá trình cổ phần hóa, chính thức chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty cổ phần theo giấy đăng ký kinh doanh số: 5400108279 do Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Hòa Bình cấp ngày 16/06/2009. Ngày 01/10/2009 Công ty cổ phần Nước sạch Hòa Bình chính thức đi vào hoạt động.

### 2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

STT	NGÀNH NGHỀ KINH DOANH
1	Sản xuất đồ uống: Sản xuất nước sạch, nước tinh khiết đóng chai.
2	Khai thác, xử lý và cung cấp nước.
3	Xây dựng nhà các loại.
4	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng: Công nghiệp, cấp thoát nước sinh hoạt đô thị và nông thôn.
5	Hoạt động xây dựng chuyên dụng: Lắp đặt, sửa chữa hệ thống cấp nước.
6	Bán buôn bán lẻ: Máy móc thiết bị, vật tư cấp thoát nước; Nước sạch, nước tinh khiết.
7	Hoạt động kiến trúc, kiểm tra và phân tích kỹ thuật: Khảo sát, thiết kế, lập dự án, tư vấn giám sát, quản lý công trình cấp thoát nước.

h.v



8	Quản lý, khai thác, xây dựng các công trình cấp nước sinh hoạt đô thị và nông thôn.
9	Dịch vụ cho thuê nhà xưởng, tài sản, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải.

**Địa bàn kinh doanh:**

- Thành phố Hòa Bình
- Huyện Lạc Sơn - Yên Thủy
- Huyện Tân Lạc - Mai Châu
- Huyện Lương Sơn - Kỳ Sơn
- Thị trấn Bo - Thanh Hà - Lạc Thủy
- Huyện Cao Phong – Bãi Chèo

**3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý**

**3.1. Mô hình quản trị**

- Đại hội đồng cổ đông
- Hội đồng quản trị
- Ban Kiểm soát
- Giám đốc

**3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý**

- Đại hội đồng cổ đông
- Hội đồng quản trị: 5 thành viên
- Ban Kiểm soát: 3 thành viên
- Giám đốc: 1 thành viên
- Bộ máy quản lý thuộc quyền điều hành của Giám đốc:
  - + Phó giám đốc và kế toán trưởng: 03 người
  - + Các Phòng chức năng: 05
  - + Ban quản lý dự án các công trình xây dựng: 01
  - + Chi nhánh xí nghiệp sản xuất: 07

**4. Định hướng phát triển**

*h n*



Định hướng phát triển hoạt động kinh doanh: Hợp tác, liên kết các cổ đông, đối tác có tiềm năng về vốn, kỹ thuật, thị trường, về năng lực quản trị..., nhằm tạo ra chuỗi giá trị, nguồn lực tổng hợp để có lợi thế cạnh tranh hơn, hiệu quả kinh doanh hơn.

## 5. Các rủi ro

- Giá bán nước không được điều chỉnh kịp thời khi chi phí sản xuất tăng lên.
- Số lượng khách hàng và mức sử dụng nước sạch sau khi vận hành các dự án thường thấp hơn cam kết trước khi thực hiện dự án, dẫn đến doanh thu không đạt như mong muốn, làm giảm hiệu quả kinh doanh.
- Việc sửa chữa, cải tạo kết cấu hạ tầng trong tính đã buộc Công ty phải chi phí đi chuyển, sửa chữa, thay mới các tuyến ống, ảnh hưởng đến chi phí sản xuất và kiểm soát thất thoát nước.
- Tỷ lệ khách hàng sử dụng cả nguồn nước tự khai thác nước giếng khoan để sử dụng cao nên tỷ lệ sử dụng nước bình quân các hộ hàng tháng thấp hơn mục tiêu Chương trình phát triển đô thị quốc gia giai đoạn 2012-2020 theo quyết định số 1659/QĐ-TTg ngày 07/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ.

## II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

#### 1.1. Thuận lợi

- Sản phẩm nước sạch là nhu cầu thiết yếu trong sinh hoạt, cuộc sống và việc làm của cộng đồng.
- Kinh tế xã hội của tỉnh đang có sự phát triển mạnh mẽ, địa giới hành chính thành phố Hòa Bình được mở rộng, các khu dân cư cũng được mở rộng về các vùng lân cận trung tâm đô thị do nhu cầu sử dụng nước trong tương lai sẽ tăng.
- Công ty Cổ phần Nước sạch Hòa Bình được sự quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi của Chính phủ, cán bộ ngành của Trung ương và địa phương.
- Chủ trương tập trung đổi mới trong quản trị tài chính, quản trị nhân lực đã đem lại hiệu quả tích cực.
- Công ty đã có quá trình xây dựng và phát triển trên 59 năm trong lĩnh vực sản xuất, dịch vụ cấp nước đô thị; có đội ngũ cán bộ, người lao động năng lực và nhiều kinh nghiệm thực tiễn.

#### 1.2. Khó khăn

*(Handwritten signature and mark)*



- Việc phát triển khách hàng các vùng lân cận trung tâm đô thị khó khăn do mật độ dân cư thấp.

- Mức sử dụng bình quân một hộ khách hàng thấp, đặc biệt là khu vực các thị xã, huyện, thị trấn do khách hàng sử dụng cả nguồn nước tự khai thác như giếng khoan, giếng khơi.

- Một số hệ thống tuyến ống bị ảnh hưởng trong vận hành khai thác do các dự án cải tạo, nâng cấp, mở rộng kết cấu hạ tầng của Tỉnh, gây khó khăn lớn trong việc duy trì cấp nước ổn định và kiểm soát thất thoát nước

- Các khu dân cư, nhà chung cư được xây dựng mới nhưng dân số cơ học hiện tại chưa tăng do chủ yếu là dân cư cũ di dời, phân tán về; số lượng sinh viên tuyển sinh các trường đại học, cao đẳng, dạy nghề còn giảm mạnh; công nhân các khu công nghiệp tại các địa phương xa tạm trú ở trên địa bàn cấp nước của Công ty giảm do được bố trí nhà ở trong khu công nghiệp không thuộc vùng cấp nước của Công ty và công nhân có xe đưa đón về các địa phương.

### 1.3. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh 2018 và kế hoạch

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2018	Kế hoạch 2019
1	Sản lượng nước sạch	M <sup>3</sup>	8.491.771	8.849.557
2	Doanh thu và thu nhập khác	Đồng	57.016.773.894	57.358.426.812
3	Nộp ngân sách	Đồng	7.125.474.558	7.100.000.000
4	Chế độ chính sách đối với người lao động	Đồng	3.429.119.114	3.500.000.000
5	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	4.469.529.750	3.800.000.000
6	Thu nhập bình quân của người lao động	Đồng/tháng	7.800.000	7.800.000

### 2. Tổ chức và nhân sự

Họ và tên	Chức vụ
Bà Nguyễn Thị Hoa	Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Trọng Hiếu	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Anh Việt	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Duy Hùng	Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty
Ông Đinh Đức Thiện	Thành viên HĐQT, Phó giám đốc Công ty

Bà Đoàn Thị Thu Hà	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông Hoàng Văn Anh	Thành viên Ban Kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Mùi	Thành viên Ban Kiểm soát

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án: Không có

4. Tình hình tài chính

4.1. Tình hình tài chính

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017	Năm 2018	Tăng/Giảm (%)
1	Tổng tài sản	Đồng	329.141.976.036	328.288.592.100	(0,26)
	- Tài sản ngắn hạn	Đồng	40.804.685.764	58.021.497.023	42,19
	- Tài sản dài hạn	Đồng	288.337.290.272	270.267.095.077	(6,27)
2	Doanh thu thuần	Đồng	55.195.201.270	55.030.777.920	(0,3)
3	Lợi nhuận từ hoạt động SXKD	Đồng	5.480.326.086	4.456.869.910	(18,67)
4	Lợi nhuận khác	Đồng	368.495.415	12.659.840	(96,56)
5	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	5.848.821.501	4.469.529.750	(23,58)
6	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	4.628.773.309	3.549.985.768	(23,31)
7	Tỉ lệ chi trả cổ tức	%	4,8	4	(16,67)

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

STT	Chỉ tiêu		Năm 2017	Năm 2018
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán	Lần		
	- Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)		6,82	10,52
	- Hệ số thanh toán nhanh (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn		5,77	9,3
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
	- Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu		3,5	3,5



	- Hệ số nợ/Tổng tài sản		0,77	0,78
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
	- Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)		6,5	6,81
	- Doanh thu thuần/Tổng tài sản		0,17	0,17
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
	- ROA		1,41	1,1
	- ROE		6,3	4,85
	- ROS		8,15	7,84
	- Hệ số P từ HĐKD/ DT thuần		0,29	0,19

## 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

### 5.1. Cổ phần

- Tên chứng khoán: Cổ phiếu công ty cổ phần Nước sạch Hòa Bình
- Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 đồng/ cổ phiếu
- Mã chứng khoán: HBW
- Sàn giao dịch : UPCOM
- Tổng số lượng chứng khoán đăng ký giao dịch: 6.679.289 cổ phiếu
- Số lượng chứng khoán bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của Pháp luật hoặc Tổ chức đăng ký giao dịch: Không có

### 5.2. Cơ cấu cổ đông của Công ty

TT	Cổ đông	Số cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu/vốn điều lệ thực góp (%)
<b>I</b>	<b>Trong nước</b>	<b>102</b>	<b>6.679.289</b>	<b>100%</b>
1	Cổ đông tổ chức	4	6.615.189	99,04%
2	Cổ đông cá nhân	98	64.100	0,96%
<b>II</b>	<b>Cổ đông nước ngoài</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0%</b>
1	Cổ đông tổ chức	0	0	0%
2	Cổ đông cá nhân	0	0	0%
<b>III</b>	<b>Cổ phiếu quỹ</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0%</b>
<b>Tổng cộng</b>			<b>6.679.289</b>	<b>100%</b>

### 5.3. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty

*(Handwritten signature)*



Tên cổ đông	Số CMT/ Hộ chiếu/ GCNDKKD	Địa chỉ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu/VDL thực góp (%)
Ủy ban Nhân dân tỉnh Hòa Bình		Số 8, Đường An Dương Vương, Phường Phương Lâm, TP. Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình	2.671.745	40%
Công ty CP VBIC Hoà Bình	0107436487	Số 25, Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội	2.340.444	35,04%
Công ty CP VBIC Sơn La	5500522701	Số 55, phường Tô Hiệu, TP Sơn La, Tỉnh Sơn La	868.000	13%
Công ty CP nước Aqua One	0313062501	97A Ng.Văn Trỗi, P.12, Quận Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh	735.000	11%
<b>Tổng cộng:</b>			<b>6.615.189</b>	<b>99,04%</b>

## 6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

### 6.1. Tiêu thụ năng lượng

Tiền điện năm 2018: 168.210.000. Tiền điện sử dụng ổn định qua các năm.

Doanh nghiệp không có biến động lớn về sử dụng điện năng do hoạt động đều và ổn định. Các mức giá có thể tăng giảm theo giá điện tại thời điểm hiện hành.

### 6.2. Tiêu thụ nước:

Là công ty sản xuất nước nên Công ty sử dụng trực tiếp sản phẩm này.

Mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm được phản ánh vào chi phí hoạt động chung nên không theo dõi số liệu riêng.

### 6.3. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không.

### 6.4. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động: 194 người, mức tiền lương trung bình đối với người lao động là 7.800.000 đồng/người/tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động; Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ đối với người lao động theo pháp luật hiện hành.

c) Hoạt động đào tạo người lao động:

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm: 12 giờ/người.
- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp; Học tập kỹ năng giao tiếp với khách hàng; học tập nâng bậc thợ; học tập về công tác an toàn vệ sinh lao động; tập huấn về văn bản pháp luật mới của Nhà nước.

### **6.5. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương**

Công ty đã thực hiện tốt việc cung cấp nước sạch đáp ứng nhu cầu đời sống và phát triển kinh tế- xã hội trên địa bàn đô thị trong tỉnh, đảm bảo chất lượng, giá bán theo quy định; đầu tư cải tạo mạng đường ống cấp nước nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ cấp nước; đầu tư mới hệ thống mạng đường ống cấp nước để mở rộng phạm vi khu vực được cấp nước góp phần tăng số lượng người dân được cấp nước.

## **III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

### **1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**

#### **a. Ưu điểm**

Năm 2018 các chỉ tiêu SXKD cơ bản hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh ĐHDCD điều chỉnh; chỉ tiêu lợi nhuận thực hiện đạt kế hoạch ĐHDCD thường niên đề ra; đảm bảo 100% người lao động có việc làm; trích nộp BHXH, BHYT, BHTN đầy đủ; an toàn về tài sản, không có tai nạn lao động xảy ra; đảm bảo quan hệ lao động hài hòa, ổn định trong doanh nghiệp.

Công tác quản trị, điều hành được đổi mới đã nâng cao ý thức, tinh thần trách nhiệm của cán bộ, người lao động trong thực hiện nhiệm vụ được giao.

Lao động tiếp tục được sắp xếp phù hợp, tinh gọn, qua đó năng suất lao động được nâng lên.

#### **b. Hạn chế, nhược điểm**

- Tiến độ thực hiện dự án Phát triển hệ thống cấp nước Hòa Bình chưa đạt tiến độ đề ra.
- Công tác chống thất thoát nước chưa đầu tư được các thiết bị tiên tiến để hỗ trợ hiệu quả trong kiểm soát lưu lượng, áp lực khu vực thành phố Hòa Bình; Công ty đang từng bước đầu tư





phân vùng, tách mạng do đó còn khó khăn trong kiểm soát thất thoát; còn hệ thống đường ống cấp 1 đã được xây dựng từ rất lâu, chất lượng kém.

- Sản lượng nước thương phẩm không tăng trưởng do:

+ Mức sử dụng nước bình quân hàng tháng thấp do khách hàng sử dụng cả nguồn nước tự khai thác như giếng khoan, giếng khơi.

+ Suất đầu tư đường ống trực để mở mạng phát triển khách hàng mới cao so với thu nhập của người dân các vùng lân cận nên chưa đạt kế hoạch phát triển khách hàng mới.

+ Số lượng sinh viên tuyển sinh các trường đại học, cao đẳng, dạy nghề giảm mạnh; công nhân các khu công nghiệp tạm trú ở trên địa bàn cấp nước của Công ty giảm do được bố trí nhà ở trong khu công nghiệp (Không thuộc vùng cấp nước của Công ty) và xe đưa đón về các địa phương xa.

## 2. Tình hình tài chính

- Tình hình tài sản: Không có biến động lớn.

- Tình hình nợ phải trả, các chỉ tiêu tài chính: Không có biến động lớn về các khoản nợ, không có nợ xấu.

## 3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

Tiếp tục tăng cường thực hiện quản lý và cải tiến chất lượng theo chu trình PDCA (Lập kế hoạch - Thực hiện - Kiểm tra - Hành động - Cải tiến) đối với các hoạt động trọng yếu của Công ty.

## 4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

- Thực hiện Dự án Phát triển Hệ thống cấp nước Hòa Bình.

- Đầu tư xây dựng mở rộng hệ thống mạng phù hợp nhằm mở rộng vùng cấp nước, tăng cường phát triển khách hàng mới.

- Đầu tư các thiết bị tiên tiến để kiểm soát vận hành nhà máy và hệ thống mạng cấp nước

- Đầu tư cải tạo, nâng cấp, mở rộng dây truyền sản xuất nhằm nâng cao và kiểm soát tốt chất lượng sản phẩm; cải tạo, sửa chữa, thay thế các tuyến ống cũ ảnh hưởng đến chất lượng nước cung cấp và gây thoát nước lớn.

- Đầu tư mua, thuê hạ tầng kỹ thuật cấp nước tại các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Hòa Bình nhằm giữ vững thị phần cấp nước.

- Tiếp tục rà soát, sửa đổi bổ sung các quy chế nội bộ, các quy trình sản xuất nhằm nâng cao chất lượng quản trị, quản lý.

**5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không có**

**6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty**

- Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...) Công ty luôn quản lý, giám sát chặt chẽ công tác sử dụng tiết kiệm nguồn năng lượng, nguồn nước; duy trì công tác vệ sinh môi trường, bảo vệ nguồn nước.

- Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động: Cán bộ, người lao động trong Công ty là những người được đào tạo cơ bản, có ý thức trách nhiệm trước công việc được giao, mong muốn được gắn bó làm việc và xây dựng Công ty phát triển

- Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương: Công ty đã cung cấp các sản phẩm và dịch vụ bảo đảm chất lượng, chấp hành tốt pháp luật của Nhà nước và các phong trào của địa phương, góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội chung của tỉnh.

#### **IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

**1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty**

Nhất trí theo đánh giá của Ban Tổng Giám Đốc tại Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018

**2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty**

**Ưu điểm:** Đã điều hành duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty ổn định, hoàn thành cơ bản các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh kế hoạch được ĐHQĐ điều chỉnh, đã có nhiều nỗ lực, giải pháp tích cực nhằm thực hiện kế hoạch sản lượng nước thương phẩm, giảm tỷ lệ thất thoát nước; bảo đảm an toàn về tài sản, không có tai nạn lao động nghiêm trọng xảy ra; đảm bảo quan hệ lao động hài hòa, ổn định trong doanh nghiệp

**Hạn chế:** một số chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chưa đạt được kế hoạch của ĐHQĐ đề ra (Giá trị sản lượng xây lắp, giải ngân Dự án Phát triển Hệ thống cấp nước Hòa Bình) do có nhiều yếu tố khách quan tác động

**3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:**





- Tăng cường công tác quản lý, giám sát, chỉ đạo các hoạt động của Ban Tổng Giám đốc và bộ máy giúp việc của Công ty, bảo đảm thực hiện đúng các nội dung đã được thông qua trong các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT Công ty.

- Tiếp tục nâng cao chất lượng của công tác kiểm tra nội bộ; chỉ đạo tháo gỡ khó khăn trong quá trình điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Tổng Giám Đốc, kiểm soát chặt chẽ việc thực thi công việc theo sự phân công nhiệm vụ hay sự phân cấp từ HĐQT.

- Tiếp tục củng cố công tác quản trị tài chính, giám sát chặt chẽ việc tuân thủ các quy trình tài chính kế toán để đảm bảo thực hiện đúng các quy định của Nhà nước và theo chuẩn thông lệ quốc tế; giám sát việc luân chuyển vốn, quản lý dòng tiền hiệu quả, đẩy nhanh tốc độ giải ngân các dự án.

- Tiếp tục cơ cấu lại tổ chức của Công ty theo hướng tinh gọn, cải tiến quy chế khoán đối với các đơn vị nhằm tăng sự tự chủ đồng thời nâng cao trách nhiệm của mỗi đơn vị.

- Tăng cường công tác quản trị nhân sự theo hướng tinh gọn, chất lượng. Tiếp tục hoàn thiện khung đánh giá hiệu quả công việc của cán bộ, người lao động, gắn với kết quả sản xuất kinh doanh hằng tháng.

- Tiếp tục đầu tư cải tạo, nâng cấp dây truyền sản xuất để kiểm soát tốt chất lượng nước; cải tạo, sửa chữa, thay thế các tuyến ống không đảm bảo chất lượng cấp nước... nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ; đầu tư theo thứ tự ưu tiên phù hợp vs nguồn tài chính của Công ty để đảm bảo cân đối tài chính.

- Đầu tư mua, thuê hạ tầng kỹ thuật cấp nước tại các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Hòa Bình; đầu tư hoặc hợp tác đầu tư trong lĩnh vực sản xuất – dịch vụ cấp nước trong và ngoài địa bàn tỉnh Hòa Bình.

- Tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy chế nội bộ nhằm không ngừng hoàn thiện và nâng cao chất lượng quản lý.

## V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

### 1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Thị Hoa	Chủ tịch HĐQT, Bí thư Đảng ủy

2	Nguyễn Duy Hùng	Thành viên HĐQT điều hành, Đảng ủy viên; Giám đốc công ty
3	Đình Đức Thiện	Thành viên HĐQT điều hành, Phó Giám đốc công ty
4	Nguyễn Anh Việt	Thành viên HĐQT không điều hành
5	Nguyễn Trọng Hiếu	Thành viên HĐQT không điều hành

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: đánh giá hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của từng tiểu ban, nội dung và kết quả của các cuộc họp.

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm.

## 2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Đoàn Thị Thu Hà	Trưởng Ban kiểm soát
2	Nguyễn Thị Mùi	Thành viên Ban kiểm soát
3	Hoàng Văn Anh	Thành viên Ban kiểm soát

b) Hoạt động của Ban kiểm soát (BKS)

- BKS đã phân công nhiệm vụ cho các thành viên và phối hợp thực hiện nhiệm vụ thay mặt cổ đông kiểm soát mọi hoạt động sản xuất kinh doanh và điều hành công ty.

- Tổ chức họp định kỳ và họp đột xuất để triển khai công việc theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao; luôn bám sát Điều lệ công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

- Thường xuyên trao đổi giữa các thành viên BKS cũng như với HĐQT, Ban giám đốc nhằm mục đích bảo đảm các hoạt động của công ty là phù hợp đáp ứng quyền lợi của cổ đông.



- Giám sát hoạt động của HĐQT, Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác của Công ty đảm bảo chức năng và nhiệm vụ của từng bộ phận.

**3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát**

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích


Họ và tên	Chức vụ	Lương
Bà Nguyễn Thị Hoa	Chủ tịch HĐQT	319.408.300
Ông Nguyễn Trọng Hiếu	Thành viên HĐQT	43.200.000
Ông Nguyễn Anh Việt	Thành viên HĐQT	43.200.000
Ông Nguyễn Duy Hùng	Giám đốc	274.230.100
Ông Đinh Đức Thiện	Phó giám đốc	205.653.600
Bà Đoàn Thị Thu Hà	Trưởng Ban Kiểm soát	173.488.600
Ông Hoàng Văn Anh	Thành viên Ban Kiểm soát	32.400.000
Bà Nguyễn Thị Mùi	Thành viên Ban Kiểm soát	124.088.000
<b>Tổng cộng:</b>		<b>1.215.668.600</b>

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: (Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên.

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ (Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên.

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Công ty đã tuân thủ các quy định của pháp luật về quản trị công ty, đặc biệt là Điều lệ Công ty.

## **VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

1. Ý kiến kiểm toán : 

- Xét trên các khía cạnh trọng yếu, BCTC kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Nước sạch Hòa Bình, và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

## 2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:

Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán và HĐQT Công ty đã phê duyệt Báo cáo tài chính, quyết toán năm 2018 và được công bố thông tin theo thời gian quy định.

**XÁC NHẬN**  
**CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY**  
**CHỦ TỊCH HĐQT**



Nguyễn Thị Hoa